

# Xin Chào Việt Nam

## Biến động thị trường

|                   | 11/09    | 1 ngày | 1T  | 3T    | YTD   |
|-------------------|----------|--------|-----|-------|-------|
| VNIndex (điểm, %) | 1,795.21 | (1.9)  | 3.8 | 0.2   | 0.6   |
| GTGD (tỷ đồng)    | 17,032   |        |     |       |       |
| VN30 (điểm, %)    | 1,936.69 | (2.0)  | 3.2 | (0.4) | (4.6) |

## Các chỉ số

|                          | 11/09       | 1 ngày | 1T     | 3T     | YTD    |
|--------------------------|-------------|--------|--------|--------|--------|
| TPCP 1 năm (% , đcb)     | 3.79        | 0.34   | 0.54   | 4.56   | 25.51  |
| TPCP 3 năm (% , đcb)     | 4.02        | 2.04   | 1.62   | 4.01   | 29.43  |
| USD/VND (%)              | 25,928.00   | (0.03) | 0.83   | 1.40   | 1.42   |
| JPY/VND (%)              | 168.73      | (0.02) | (2.75) | (2.69) | (0.51) |
| EUR/VND (%)              | 30,044.00   | 0.08   | 0.67   | 1.60   | 2.71   |
| CNY/VND (%)              | 3,865.16    | (0.01) | 0.29   | 0.65   | (2.65) |
|                          | Phiên trước | 1 ngày | 1T     | 3T     | YTD    |
| TPKB Mỹ 10 năm (% , đcb) | 4.96        | (0.04) | 5.81   | 10.85  | 19.15  |
| WTI (USD/thùng, %)       | 102.82      | 2.77   | 24.78  | 21.14  | 79.07  |
| Vàng (USD/oz, %)         | 4,339.57    | (0.22) | (0.84) | 0.03   | 0.76   |

## Giao dịch tự doanh

| Mua ròng | (Tỷ đồng) | Bán ròng | (Tỷ đồng) |
|----------|-----------|----------|-----------|
| E1VFN30  | 36.2      | HPG      | (55.7)    |
| VPB      | 32.6      | MBB      | (25.9)    |
| MSB      | 9.7       | MSN      | (16.7)    |
| FUEVFN30 | 7.6       | FPT      | (15.1)    |
| SSB      | 6.9       | NAF      | (14.5)    |

## Giao dịch khối ngoại

| Mua ròng | (Tỷ đồng) | Bán ròng | (Tỷ đồng) |
|----------|-----------|----------|-----------|
| BSR      | 109.7     | STB      | (229.4)   |
| VIC      | 64.3      | MBB      | (140.4)   |
| DGW      | 42.7      | VPB      | (134.3)   |
| PVT      | 39.7      | VHM      | (93.9)    |
| PNJ      | 39.2      | VNM      | (71.2)    |

## Biến động theo ngành

| Top 5 ngành tăng   | %      | Top 5 ngành giảm        | %      |
|--------------------|--------|-------------------------|--------|
| Vật liệu           | 1.08   | Phản cứng & thiết bị    | (6.95) |
| Năng lượng         | 0.98   | Truyền thông & giải trí | (2.80) |
| Hàng hóa cá nhân   | (0.69) | Tài chính khác          | (2.40) |
| Phần mềm & dịch vụ | (0.78) | Hàng hóa vốn            | (2.00) |
| Dược & sinh học    | (1.04) | Ô tô & phụ tùng         | (2.00) |

## CÓ GÌ HÔM NAY?

### Nhận định thị trường & Tin tức

- Nhận định thị trường:** Thanh khoản tăng

### Vĩ mô & Chiến lược

- Đề thị trong ngày:** Sự đảo chiều?

### Lịch sự kiện

## Ước tính tổng lợi nhuận doanh nghiệp các cổ phiếu trong VN30

|      | LNHH (Tỷ đồng) | LN ròng (Tỷ đồng) | Tăng EPS (% n/n) | PE (x) | PB (x) | PS (x) | ROE (%) |
|------|----------------|-------------------|------------------|--------|--------|--------|---------|
| 2022 | 2,156          | 284               | 102.0            | 11.7   | 1.6    | 1.3    | 14.3    |
| 2023 | 2,230          | 336               | 123.1            | 11.7   | 1.6    | 1.5    | 14.8    |
| 2024 | 1,400          | 401               | 129.6            | 17.4   | 2.4    | 2.0    | 15.5    |
| 2025 | 1,863          | 521               | 177.2            | 10.9   | 1.9    | 1.7    | 17.4    |

## Các chỉ báo vĩ mô Việt Nam

|                             | 4Q24   | 1Q25   | 2Q25   | 3Q25   | 4Q25   | 1Q26   | 2Q26   |
|-----------------------------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| GDP (% n/n)                 | 7.6    | 7.0    | 8.2    | 8.3    | 8.5    | 7.9    | 8.4    |
| Cân cân thương mại (tỷ USD) | 4.0    | 3.2    | 4.4    | 8.9    | 3.2    | (3.6)  | (3.6)  |
| CPI (% n/n. TB)             | 2.9    | 3.2    | 3.3    | 3.3    | 3.4    | 3.5    | 5.3    |
| Tín dụng (%)                | 13.8   | 16.3   | 17.5   | 13.4   | 17.9   | 15.9   | 16.4   |
| USD/VND (tỷ)                | 25,386 | 25,565 | 26,121 | 26,424 | 26,296 | 26,342 | 26,312 |
| GDP Mỹ (% n/n)              | 2.5    | (0.3)  | 2.2    | 3.0    | 2.6    | 2.0    | 1.5    |
| GDP Trung Quốc (% n/n)      | 4.8    | 5.4    | 5.2    | 4.8    | 4.5    | 5.0    | 4.3    |

Nguồn: KIS Research, Bloomberg

## Nhận định thị trường & Tin tức

### Nhận định thị trường

#### Thanh khoản tăng

Áp lực bán lan rộng trên toàn thị trường, khiến phần lớn các nhóm ngành chìm trong sắc đỏ. Trong đó, 17/19 nhóm ngành ghi nhận giảm điểm, phản ánh sự suy yếu trên diện rộng.

Kết phiên, VNIndex giảm 1.86%, đóng cửa ở ngưỡng 1,795 điểm. Trong khi đó, VN30Index giảm 2.03%, đóng cửa tại 1,936 điểm.

Khối ngoại bán ròng, với hơn 850 tỷ đồng, ở các mã STB, MBB và VPB với giá trị lần lượt là 229 tỷ đồng, 140 tỷ đồng và 134 tỷ đồng. Ngược lại, họ tập trung mua các mã BSR, VIC và DGW với giá trị lần lượt là 109 tỷ đồng, 64 tỷ đồng và 42 tỷ đồng.

Ngân hàng ghi nhận giảm điểm, bao gồm VIB (-3.28%), LPB (-3.01%), TCB (-2.47%), HDB (-2.37%), BID (-2.06%), VPB (-2.00%), CTG (-1.96%), MBB (-1.74%), SHB (-1.70%), ACB (-1.56%), VCB (-1.36%) và STB (-0.90%).

Chứng khoán đóng cửa trong sắc đỏ, ở VCI (-5.87%), LPS (-4.62%), VIX (-3.99%), TCX (-3.78%), VCK (-3.65%), SSI (-3.33%), HCM (-3.04%) và VPX (-3.03%).

Bất động sản có tỷ suất sinh lợi kém, do NVL (-5.06%), BCM (-4.55%), VRE (-3.21%), VIC (-1.78%) và VHM (-1.50%).

Bên cạnh đó, dòng vốn chảy ra các cổ phiếu vốn hóa lớn như GVR (-5.36%), MSN (-3.20%), VNM (-2.76%), HPG (-2.52%), FPT (-2.42%), SAB (-2.23%), MWG (-2.19%), GAS (-2.01%), VPL (-1.79%), VJC (-0.40%) và MCH (-0.14%).

Thị trường ghi nhận phiên giảm điểm mạnh cùng với thanh khoản gia tăng đáng kể, hàm ý rủi ro điều chỉnh có dấu hiệu gia tăng. Đồng thời, việc chỉ số đóng cửa dưới các đường trung bình động 10 và 100 kỳ cho thấy xu hướng ngắn hạn đang suy yếu và thị trường có thể tiếp tục đối mặt với áp lực điều chỉnh trong các phiên tới.

## Vĩ mô & Chiến lược

### Đồ thị trong ngày

#### Sự đảo chiều?

##### ► Diễn biến thị trường

Sau 3 tuần tăng trưởng liên tiếp, thị trường ghi nhận sự điều chỉnh khi áp lực bán xuất hiện trong phiên đầu và cuối tuần trước những ảnh hưởng từ yếu tố bên ngoài.

##### ► Đồ thị: Sự đảo chiều?

Xu hướng giảm ngắn hạn có thể quay trở lại khi chỉ số VNIndex đóng cửa ở mức thấp nhất tuần với cây nến đỏ thân dài ở đầu và cuối tuần. Chỉ số đóng cửa dưới đường trung bình 10 kỳ, đây là tín hiệu bán sớm.

Tuy chỉ số vẫn đóng cửa trên đường trung bình 20 và 50 kỳ, nhưng phiên điều chỉnh cuối tuần kèm khối lượng tăng đột biến nên xu hướng giảm có thể được xác nhận. Vì thế, nhà đầu tư cần theo dõi thêm các tín hiệu trong phiên tới để xác nhận rõ hơn xu hướng này.

Một nhịp hồi kỹ thuật có thể xuất hiện trong phiên đầu tuần khi chỉ số đã giảm mạnh trong phiên trước đó. Trong tuần này, vùng 1,700-1,740 điểm sẽ là hỗ trợ mạnh, vùng này trùng với đáy tháng 08/2026. Trong khi đó, vùng 1,800-1,830 điểm sẽ là kháng cự mạnh.

→ Xu hướng tăng có thể bị đảo ngược nếu các tín hiệu suy yếu tiếp tục xuất hiện. Vì thế, nhà đầu tư cần thận trọng và đưa tỷ trọng cổ phiếu về ngưỡng an toàn.

## ► Chiến lược đầu tư: Quan sát thêm trước khi hành động

Trong tình huống này, nhà đầu tư cần theo dõi các tín hiệu xác nhận về xu hướng trước khi quyết định giảm tỷ trọng cổ phiếu về ngưỡng an toàn.

## Lịch sự kiện

## ► Lịch sự kiện

| Ngày GDKHQ | Ngày thực hiện | Mã  | Sàn   | Nội dung sự kiện                    | Tỷ lệ thực hiện | Giá trị |
|------------|----------------|-----|-------|-------------------------------------|-----------------|---------|
| 14/09/2026 | 15/10/2026     | NWT | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (700/cp)   | 7.00%           | 700     |
| 14/09/2026 | 25/09/2026     | DGC | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt (3000/cp)  | 30.00%          | 3000    |
| 14/09/2026 | 25/09/2026     | DGC | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt (5000/cp)  | 50.00%          | 5000    |
| 14/09/2026 | 05/10/2026     | PNG | UPCoM | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản     |                 |         |
| 14/09/2026 | 14/09/2026     | PBP | HNX   | Phát hành cổ phiếu                  | 8.50%           |         |
| 14/09/2026 |                | OGC | HOSE  | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản     |                 |         |
| 14/09/2026 |                | OCH | HNX   | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản     |                 |         |
| 14/09/2026 | 30/09/2026     | VSN | UPCoM | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản     |                 |         |
| 14/09/2026 | 16/10/2026     | TDT | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt (400/cp)   | 4.00%           | 400     |
| 14/09/2026 | 18/10/2026     | SLS | HNX   | Đại hội Đồng Cổ đông                |                 |         |
| 14/09/2026 | 15/10/2026     | BAL | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (350/cp)   | 3.50%           | 350     |
| 14/09/2026 | 24/09/2026     | GTA | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt (350/cp)   | 3.50%           | 350     |
| 14/09/2026 | 15/10/2026     | MTA | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (100/cp)   | 1.00%           | 100     |
| 14/09/2026 | 14/09/2026     | PVS | HNX   | Phát hành cổ phiếu                  | 20.00%          |         |
| 14/09/2026 |                | PEG | UPCoM | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản     |                 |         |
| 14/09/2026 |                | AAT | HOSE  | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản     |                 |         |
| 14/09/2026 | 15/10/2026     | SZE | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (400/cp)   | 4.00%           | 400     |
| 14/09/2026 | 30/09/2026     | DHG | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt (5000/cp)  | 50.00%          | 5000    |
| 14/09/2026 | 09/10/2026     | MVC | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (600/cp)   | 6.00%           | 600     |
| 14/09/2026 | 15/10/2026     | GTS | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1200/cp)  | 12.00%          | 1200    |
| 14/09/2026 | 21/10/2026     | DMC | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt (2500/cp)  | 25.00%          | 2500    |
| 14/09/2026 | 15/10/2026     | PCE | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1400/cp)  | 14.00%          | 1400    |
| 14/09/2026 | 22/10/2026     | TV3 | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt (500/cp)   | 5.00%           | 500     |
| 15/09/2026 | 25/09/2026     | PAT | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (2900/cp)  | 29.00%          | 2900    |
| 15/09/2026 |                | V68 |       | Đại hội Cổ đông Bất thường          |                 |         |
| 15/09/2026 | 15/09/2026     | CC1 | UPCoM | Phát hành cổ phiếu                  | 5.00%           |         |
| 15/09/2026 | 28/09/2026     | SBM | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1000/cp)  | 10.00%          | 1000    |
| 15/09/2026 | 16/10/2026     | BHN | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1520/cp)  | 15.20%          | 1520    |
| 15/09/2026 | 16/10/2026     | BHN | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1320/cp)  | 13.20%          | 1320    |
| 15/09/2026 |                | BHN | HOSE  | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản     |                 |         |
| 15/09/2026 | 12/10/2026     | AVC | UPCoM | Đại hội Cổ đông Bất thường          |                 |         |
| 15/09/2026 |                | DSE | HOSE  | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản     |                 |         |
| 15/09/2026 | 16/10/2026     | SRF | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt (500/cp)   | 5.00%           | 500     |
| 15/09/2026 | 15/09/2026     | TRC | HOSE  | Phát hành cổ phiếu                  | 300.00%         |         |
| 16/09/2026 | 22/10/2026     | HT1 | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt (320/cp)   | 3.20%           | 320     |
| 16/09/2026 | 16/10/2026     | HLĐ | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt (500/cp)   | 5.00%           | 500     |
| 16/09/2026 | 24/09/2026     | MSR | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1000/cp)  | 10.00%          | 1000    |
| 16/09/2026 | 02/10/2026     | SGC | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1000/cp)  | 10.00%          | 1000    |
| 16/09/2026 | 16/10/2026     | TBD | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (3000/cp)  | 30.00%          | 3000    |
| 16/09/2026 | 30/09/2026     | ACG | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1000/cp)  | 10.00%          | 1000    |
| 16/09/2026 | 07/10/2026     | SZL | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt (2500/cp)  | 25.00%          | 2500    |
| 16/09/2026 | 16/09/2026     | SZL | HOSE  | Phát hành cổ phiếu                  | 70.00%          |         |
| 17/09/2026 | 17/09/2026     | TCX |       | Phát hành cổ phiếu                  | 20.00%          |         |
| 17/09/2026 | 20/10/2026     | PNC | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt (500/cp)   | 5.00%           | 500     |
| 17/09/2026 | 03/10/2026     | BED | HNX   | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản     |                 |         |
| 17/09/2026 | 20/10/2026     | XMP | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1000/cp)  | 10.00%          | 1000    |
| 17/09/2026 |                | HPW | UPCoM | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản     |                 |         |
| 17/09/2026 | 17/09/2026     | TRS | UPCoM | Phát hành cổ phiếu                  | 15.00%          |         |
| 17/09/2026 | 28/09/2026     | BCF | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt (800/cp)   | 8.00%           | 800     |
| 17/09/2026 | 20/10/2026     | PVP | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1000/cp)  | 10.00%          | 1000    |
| 17/09/2026 | 20/10/2026     | CTD | HOSE  | Đại hội Đồng Cổ đông                |                 |         |
| 17/09/2026 |                | CMC | HNX   | Đại hội Cổ đông Bất thường          |                 |         |
| 17/09/2026 |                | QCG | HOSE  | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản     |                 |         |
| 17/09/2026 | 15/10/2026     | SJM | HNX   | Đại hội Cổ đông Bất thường          |                 |         |
| 17/09/2026 | 17/09/2026     | TDP | HOSE  | Phát hành cổ phiếu                  | 10.00%          |         |
| 18/09/2026 | 16/10/2026     | LMH | UPCoM | Đại hội Cổ đông Bất thường          |                 |         |
| 18/09/2026 | 15/10/2026     | NDX | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt (500/cp)   | 5.00%           | 500     |
| 18/09/2026 |                | KTS | HNX   | Đại hội Đồng Cổ đông                |                 |         |
| 18/09/2026 | 12/10/2026     | ICN | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (800/cp)   | 8.00%           | 800     |
| 18/09/2026 | 07/10/2026     | CKA | UPCoM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (12000/cp) | 120.00%         | 12000   |

**■ Nguyên tắc đánh giá của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam với cổ phiếu dựa trên lợi nhuận kỳ vọng trong 12 tháng tới**

- MUA: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là 15% hoặc hơn.
- Nắm giữ: Tổng lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 15%.
- Bán: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là -5% hoặc thấp hơn.
- CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không cung cấp giá mục tiêu với cổ phiếu khuyến nghị Nắm giữ hoặc Bán.

**■ Nguyên tắc đánh giá của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam với ngành trong 12 tháng tới**

- Nâng tỷ trọng: Khuyến nghị tăng tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
- Trung lập: Khuyến nghị giữ tỷ trọng của ngành trong danh mục bằng với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
- Giảm tỷ trọng: Khuyến nghị giảm tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.

**■ Xác nhận của chuyên viên phân tích**

Chúng tôi, chuyên viên phân tích thực hiện báo cáo này, xác nhận rằng báo cáo phản ánh chính xác quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty được phân tích trong báo cáo. Chúng tôi cũng xác nhận rằng chúng tôi đã, đang và sẽ không nhận được các khoản lợi ích cá nhân nào, liên quan đến khuyến nghị và quan điểm trong báo cáo, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

## Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2026 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.